

Số: 160 /TTKC-VP

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp

Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học – Trường Đại học Y Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự toán mua sắm “Cung cấp hàng hóa phục vụ hoạt động ngoại kiểm năm 2026 của Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học” từ Nguồn kinh phí dịch vụ ngoại kiểm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học, số 01 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, Tp.Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chuyên viên Trần Vĩnh Phát – Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học, số điện thoại: 0989444313, email: tranvinhphat@hmu.edu.vn.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: tiếp nhận báo giá theo cách thức sau:

- Bản in báo giá và các tài liệu kèm theo gửi trực tiếp tại địa chỉ: Văn phòng Trung tâm, tầng 6 nhà A6, Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học. Địa chỉ: số 01 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, Tp.Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 10 tháng 9 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 22 tháng 9 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung mời báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ và yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương chi tiết theo phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa, dịch vụ: Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học. Giá hàng hóa, dịch vụ là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác.

3. Thời gian triển khai cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự kiến: Trong năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Cụ thể khi thực hiện ký kết Hợp đồng mua bán.

5. Các thông tin khác: Hãng sản xuất hoặc nhà cung cấp có thể khuyến nghị cho Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học các hàng hóa, dịch vụ đáp ứng được yêu cầu chuyên môn của Trung tâm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.



Trần Huy Thịnh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn mời báo giá số 160/TTKC-VP ngày 9 tháng 9 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VAT)	Thành tiền (VND)
1	Hóa chất ngoại kiểm Huyết học	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm huyết học. Mẫu có nguồn gốc từ máu người toàn phần, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 11 thông số huyết học.	Lọ 2 mL	1		
2	Hóa chất ngoại kiểm đông máu rút gọn	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm đông máu cơ bản. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 5 thông số đông máu cơ bản.	Lọ 1 mL	1		
3	Hóa chất ngoại kiểm đông máu toàn phần	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm đông máu cơ bản và mở rộng. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 17 thông số đông máu.	Lọ 1 mL	1		
4	Hóa chất ngoại kiểm Máu lắng	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm máu lắng. Mẫu dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 quý/ 1 lần. Có tối thiểu 1 thông số đo tốc độ máu lắng.	Lọ 4,5 mL	1		
5	Hóa chất ngoại kiểm Miễn dịch	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm miễn dịch. Mẫu có nguồn gốc từ huyết thanh người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 49 thông số miễn dịch, trong đó có: Amikacin, Gentamicin, Paracetamol, Salicylate.	Lọ 5 mL	1		
6	Hóa chất ngoại kiểm nước tiểu định tính	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm nước tiểu định tính. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 2 tháng/lần. Có tối thiểu 14 thông số nước tiểu, trong đó có Galactose.	Lọ 12 mL	1		
7	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm tim mạch. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 11 thông số tim mạch.	Lọ 3 mL	1		
8	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm nước tiểu định lượng	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm nước tiểu định lượng. Mẫu có nguồn gốc từ nước tiểu người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 2 lần/1 tháng. Có tối thiểu 25 thông số nước tiểu định lượng.	Lọ 10 mL	1		
9	Hóa chất ngoại kiểm sàng lọc trước sinh	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm sàng lọc trước sinh. Mẫu có nguồn gốc từ huyết thanh người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 6 thông số sàng lọc trước sinh.	Lọ 1 mL	1		
10	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm HbA1c. Mẫu có nguồn gốc từ máu người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 2 thông số.	Lọ 0,5 mL	1		
11	Hóa chất ngoại kiểm Khí máu	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm khí máu. Mẫu dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 11 thông số khí máu.	Lọ 1,8 mL	1		
12	Hóa chất ngoại kiểm giang mai	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm huyết thanh học giang mai. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 1 thông số xét nghiệm giang mai.	Lọ 1 mL	1		
13	Hóa chất ngoại kiểm miễn dịch đặc biệt 1	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm miễn dịch đặc biệt. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 09 thông số miễn dịch, trong đó có: Anti-TPO, Anti-TG, Procalcitonin.	Lọ 2 mL	1		
14	Hóa chất ngoại kiểm dịch não tủy	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm dịch não tủy. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 07 thông số dịch não tủy.	Lọ 3 mL	1		
15	Hóa chất ngoại kiểm CYFRA 21-1	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm CYFRA 21-1. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 1 thông số CYFRA 21-1 (Cytokeratin 19).	Lọ 1 mL	1		



16	Hóa chất ngoại kiểm Protein đặc biệt	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm Protein đặc biệt. Mẫu có nguồn gốc từ huyết thanh người, dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 26 thông số Protein đặc biệt.	Lọ 1 mL	1		
17	Hóa chất ngoại kiểm Hóa sinh	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm hóa sinh. Mẫu có nguồn gốc từ huyết thanh người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 52 thông số hóa sinh, trong đó có: ACE, D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine, GLDH, HBDH, NEFA.	Lọ 5 mL	1		
18	Hóa chất Ngoại kiểm Huyết thanh học viêm gan	Dùng để ngoại kiểm các xét nghiệm huyết thanh học viêm gan và HIV. Mẫu có nguồn gốc từ huyết thanh hoặc huyết tương người, dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 10 thông số, trong đó có: Anti-CMV (Total), Anti-HTLV I, Anti-HTLV II, Anti-HTLV combined.	Lọ 1,8 mL	1		
19	Hóa chất ngoại kiểm miễn dịch đặc biệt 2	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm miễn dịch đặc biệt. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 5 thông số miễn dịch.	Lọ 1 mL	1		
20	Hóa chất ngoại kiểm Ammonia/Ethanol	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm Ammonia/Ethanol. Dạng lỏng, Bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 2 thông số.	Lọ 2 mL	1		
21	Hóa chất ngoại kiểm Anti-TSH Receptor	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm Anti-TSH Receptor. Mẫu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 1 thông số Anti-TSH Receptor (TRAb).	Lọ 1 mL	1		
22	Hóa chất ngoại kiểm tiền phân tích chỉ số huyết thanh học Serum Indices	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm chỉ số huyết thanh học. Mẫu có nguồn gốc từ huyết thanh người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: hai tháng một lần. Có tối thiểu 3 chỉ số đánh giá, 25 thông số hóa học.	Lọ 1 mL	1		
23	Hóa chất ngoại kiểm Anti-Müllerian Hormone (AMH)	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm Anti-Müllerian Hormone (AMH). Mẫu có nguồn gốc từ huyết thanh người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2+8)°C để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/1 tháng. Có tối thiểu 1 thông số Anti-Müllerian Hormone (AMH).	Lọ 1 mL	1		
24	Hóa chất ngoại kiểm Glucose và Ketones	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm Glucose và Ketones. Mẫu chứa vật liệu có nguồn gốc từ người, dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2-25°C) để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 quý/ 1 lần. Có tối thiểu 2 thông số.	Lọ 400 µl	1		
25	Hóa chất ngoại kiểm tiền sản giật	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm Tiền sản giật. Mẫu chứa vật liệu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C) để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 1 lần/ 1 tháng. Có tối thiểu 4 thông số.	Lọ 1 mL	1		
26	Hóa chất ngoại kiểm mỡ máu	Dùng để ngoại kiểm xét nghiệm Mỡ máu. Mẫu chứa vật liệu có nguồn gốc từ người, dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C) để dễ vận chuyển. Tần suất phân tích Hóa chất: tối thiểu 2 lần/ 1 tháng. Có tối thiểu 3 thông số.	Lọ 3 mL	1		
27	Chương trình ngoại kiểm đếm số lượng thành phần bạch cầu	Chương trình bao gồm 06 mẫu, thực hiện 06 đợt/năm mỗi đợt 01 mẫu, đánh giá khả năng phát hiện số lượng, thành phần tế bào bạch cầu Phương pháp đo lường/Kiểm tra: Đếm tế bào khác biệt Loại mẫu: Hình ảnh ảo hoặc phim máu. USB tùy chọn. Phim máu tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của người hiến tặng. Bảo quản và xử lý: Sau khi nhận được, bảo quản mẫu ở nhiệt độ phòng	Chương trình	1		
28	Chương trình ngoại kiểm nhuộm soi Vi khuẩn Lao	Chương trình bao gồm 08 mẫu, thực hiện 04 đợt/năm mỗi đợt 02 mẫu, đánh giá và phát hiện vi khuẩn Lao bằng nhuộm soi Phương pháp đo lường/Kiểm tra: cho phép phát hiện vi khuẩn Lao bằng phương pháp kháng cồn kháng toan Loại mẫu: mẫu phết chưa nhuộm cố định trên lam kính Bảo quản và xử lý: Bảo quản mẫu ở nhiệt độ phòng và tránh ánh sáng trực tiếp. Thử nghiệm trong vòng 24-48 giờ để giảm nguy cơ mẫu bị hư hỏng.	Chương trình	1		
29	Chương trình ngoại kiểm Nuôi cấy Vi khuẩn Lao	Chương trình bao gồm 08 mẫu, thực hiện 04 đợt/năm mỗi đợt 02 mẫu (mẫu IML), đánh giá và phát hiện vi khuẩn Lao bằng phương pháp Nuôi cấy Phương pháp đo lường/Kiểm tra: Nuôi cấy vi khuẩn lao Loại mẫu: Mẫu đông khô Bảo quản và xử lý: Bảo quản mẫu ở nhiệt độ 2-8°C và tránh ánh sáng trực tiếp. Thử nghiệm trong vòng 24-48 giờ để giảm nguy cơ mẫu bị hư hỏng.	Chương trình	1		

30	Chương trình ngoại kiểm Cúm	Chương trình bao gồm 04 mẫu, thực hiện 02 đợt/năm mỗi đợt 02 mẫu (mẫu 0.5ML), đánh giá phát hiện cúm bằng PoCT Phương pháp đo lường/Kiểm tra: Kháng nguyên cúm A PoCT; Kháng nguyên cúm B PoCT Loại mẫu: Dịch nuôi cấy virus đã bất hoạt. Bảo quản và xử lý: Bảo quản mẫu ở nhiệt độ -20°C	Chương trình	1		
31	Chương trình ngoại kiểm Dengue	Chương trình bao gồm 04 mẫu, thực hiện 02 đợt/năm mỗi đợt 02 mẫu (mẫu 0.4ML), đánh giá phát hiện Dengue Phương pháp đo lường/Kiểm tra: Dengue IgG: Tỷ lệ lưu hành huyết thanh; Bất giữ; IgM; Kháng nguyên NS1; ICT NS1/IgG/IgM; kháng thể toàn phần Loại mẫu: Huyết thanh/huyết tương Bảo quản và xử lý: Bảo quản mẫu ở nhiệt độ -20°C	Chương trình	1		
32	Chương trình ngoại kiểm Sàng lọc kháng thể bất thường	Chương trình bao gồm 6 mẫu, thực hiện 06 đợt/năm mỗi đợt 01 mẫu (Mẫu 4ML), đánh giá Sàng lọc kháng thể bất thường Phương pháp đo lường/Kiểm tra: sàng lọc kháng thể Loại mẫu: Máu toàn phần bảo quản bằng EDTA Bảo quản và xử lý: Bảo quản mẫu ở nhiệt độ 2-8°C. Các mẫu truyền máu RCPAQAP phải được thử nghiệm trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận vì chúng có khả năng bị tan máu khi bảo quản trong thời gian dài. Có thể dự kiến một số mức độ tan máu trong tài liệu khảo sát, tuy nhiên dựa trên hồ sơ lịch sử, không có tác động tiêu cực nào đến hiệu suất của những người tham gia báo cáo kết quả trên các mẫu khảo sát bị tan máu nhẹ đến trung bình. Biểu đồ chỉ số tan máu được cung cấp.	Chương trình	1		
33	Chương trình ngoại kiểm Xét nghiệm Coombs trực tiếp	Chương trình bao gồm 06 mẫu, thực hiện 06 đợt/năm mỗi đợt 01 mẫu (mẫu 2ML), đánh giá Năng lực truyền máu – Mô-đun DAT Phương pháp đo lường/Kiểm tra: phương pháp DAT Loại mẫu: Hồng cầu EDTA Bảo quản và xử lý: Bảo quản mẫu ở nhiệt độ 2-8°C. Các mẫu truyền máu RCPAQAP phải được thử nghiệm trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận vì chúng có khả năng bị tan máu khi bảo quản trong thời gian dài. Có thể dự kiến một số mức độ tan máu trong tài liệu khảo sát, tuy nhiên dựa trên hồ sơ lịch sử, không có tác động tiêu cực nào đến hiệu suất của những người tham gia báo cáo kết quả trên các mẫu khảo sát bị tan máu nhẹ đến trung bình. Biểu đồ chỉ số tan máu được cung cấp.	Chương trình	1		
34	Chương trình ngoại kiểm Glucose-6-phosphate Dehydrogenase (G6PD)	Chương trình bao gồm 04 mẫu, thực hiện 02 đợt/năm mỗi đợt 02 mẫu (mẫu 0.5mL), dùng để ngoại kiểm xét nghiệm Glucose-6-phosphate Dehydrogenase (G6PD) Phương pháp đo lường/Kiểm tra: Định lượng Glucose-6-phosphate Dehydrogenase (G6PD) Loại mẫu: Mẫu đông khô Bảo quản và xử lý: Bảo quản mẫu ở nhiệt độ 2-8°C	Chương trình	1		
35	Chương trình ngoại kiểm Phát hiện đột biến gen trong ung thư phổi	Chương trình bao gồm 04 mẫu, thực hiện 02 đợt/năm mỗi đợt 02 mẫu, đánh giá khả năng phát hiện, báo cáo và giải thích các biến thể gen KRAS và EGFR trong ung thư phổi Phương pháp đo lường/Kiểm tra: Tách chiết DNA FFPE, xét nghiệm di truyền phân tử phát hiện sự có mặt và tần số các biến thể gen KRAS và EGFR. Loại mẫu: Hình ảnh H&E và các phần mô FFPE (lấy từ bệnh nhân) Bảo quản và xử lý: Sau khi nhận được, bảo quản mẫu ở nhiệt độ 2-8°C.	Chương trình	1		
36	Chương trình ngoại kiểm Đánh giá tính di động của tinh trùng	Chương trình bao gồm 06 mẫu, thực hiện 03 đợt/năm mỗi đợt 02 mẫu, đánh giá tính di động của tinh trùng. Phương pháp đo lường/Kiểm tra: Đếm số lượng tinh trùng di động tiến tới Loại mẫu: Video trực tuyến Bảo quản và xử lý: Sau khi nhận được, bảo quản mẫu ở nhiệt độ phòng.	Chương trình	1		
37	Chương trình ngoại kiểm Đánh giá tỉ lệ sống và hình thái tinh trùng	Chương trình bao gồm 12 mẫu, thực hiện 03 đợt/năm mỗi đợt 04 mẫu, đánh giá tỉ lệ sống và hình thái tinh trùng. Phương pháp đo lường/Kiểm tra: Phân tích hình ảnh tiêu bản Loại mẫu: Hình ảnh trực tuyến Bảo quản và xử lý: Sau khi nhận được, bảo quản mẫu ở nhiệt độ phòng.	Chương trình	1		
Tổng cộng						